TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày 05-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Khanh

2. Bà Triệu Thị Mới

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Sao - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX-ST ngày 26 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị Dương Thị H; nơi cư trú: Thôn NhG, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

* *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Th; nơi cư trú: Thôn NhG, xã VQ, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại bản tự khai, tại phiên hòa giải và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn là chị Dương Thị H trình bày:

Chị và anh Bùi Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng từ ngày 21 tháng 8 năm 2000. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung trong quan hệ tình cảm tâm sinh lý, anh Th không chung thủy với vợ con nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 02 con chung là Bùi Thị Phương A, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2001 và Bùi Hải N, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2008. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Phương A còn anh Th nuôi dưỡng cháu Bùi Hải N. Việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh Th tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Th tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Bùi Văn Th vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai, tại phiên hòa giải, anh trình bày:

Anh xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như nội dung chị H trình bày là đúng. Quá trình chung sống đến năm 2008 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng đã được khắc phục và thời gian gần đây cũng xảy ra mâu thẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống cũng như vợ chồng không tin tưởng nhau trong quan hệ hôn nhân cùng với việc chị H tự ý bỏ về gia đình mẹ đẻ sinh sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã xúc phạm không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần và bản thân anh cũng đã cố gắng níu kéo tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Tuy nhiên, mâu thuẫn chưa đến mức vợ chồng phải ly hôn, hơn nữa các con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là Bùi Thị Phương A, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2001 và Bùi Hải N, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2008. Khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xét những nội dung sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn Th.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung là Bùi Thị Phương A, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2001 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật và giao con chung là Bùi Hải N, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2008 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận nên không đặt ra giải quyết.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu, không xét.

+ Về án phí: Đề nghị áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án buộc chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung. Vụ án có bị đơn là anh Bùi Văn Th có nơi cư trú tại huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Như vậy nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là anh Bùi Văn Th đã nhận được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa. Như thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp, kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng tại phiên tòa lần thứ 2 anh Th vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Bùi Văn Th.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Bùi Văn Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo năm 2000. Như vậy, hôn nhân này là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý, không tin tưởng nhau trong quan hệ hôn nhân nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, chị H xin ly hôn, anh Th không đồng ý, anh cho rằng mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn và vì các con còn nhỏ cần có sự chăm sóc của cả bố và mẹ. Tuy nhiên, anh không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục những mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả và tại phiên tòa anh cũng vắng mắt, điều đó chứng tỏ anh không thực sự muốn níu kéo tình cảm vợ chồng, việc anh không lên tòa án và không đồng ý ly hôn chỉ nhằm gây khó khăn cho chị H và kéo dài sự ràng buộc không cần thiết, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Dương Thị H xin ly hôn với anh Bùi Văn Th.

- Về con chung: Chị H và anh Th có 02 con chung là Bùi Thị Phương A, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2001 và Bùi Hải N, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2008. Chị H có nguyện Vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Thị Phương A, còn anh Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy, chị H và anh Th đều có việc làm, có thu nhập ổn định, xét nguyện vọng của con

chung và để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung. Nên, việc giao con chung là Bùi Thị Phương A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Bùi Hải N cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân, gia đình và phù hợp với thực tế về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị H, anh Th và phù hợp với nguyện vọng của cả cháu Phương A và cháu Hải N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Phương A của chị H và giao con chung là Bùi Hải N cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị H và anh Th xin tự thỏa thuận nên không giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị H và anh Th tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không xét giải quyết.

- Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị H được ly hôn với anh Bùi Văn Th.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Thị Phương A, sinh ngày 09 tháng 11 năm 2001 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật và giao con chung là Bùi Hải N, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2008 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0001241 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phong;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã Vinh Quang, huyện Vĩnh Bảo;
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Vịnh